

MÔ HÌNH BỆNH THẬN-TIẾT NIỆU TRẺ EM TẠI BỆNH VIỆN NHỊ THÁI BÌNH TRONG 5 NĂM (2019 - 2023)

Phạm Thi Hương^{1*}, Lương Đức Sơn¹, Trần Trọng Kiềm¹,
Đỗ Mạnh Dũng¹, Nguyễn Ngọc Sáng²

¹Bệnh viện Nhi Thái Bình

²Trường Đại học Y Dược Hải Phòng

TÓM TẮT

Mục tiêu: Xác định mô hình bệnh thận-tiết niệu ở trẻ em tại Bệnh viện Nhi Thái Bình trong 5 năm (từ 01/01/2019 đến 31/12/2023).

Đối tượng: 139.601 bệnh nhi điều trị nội trú tại Bệnh viện Nhi Thái Bình.

Phương pháp: Mô tả cắt ngang.

Kết quả: Có 1.855 (1,33%) bệnh nhi thận-tiết niệu trên tổng số 139.601 bệnh nhi nhập viện. Tỷ lệ nam/nữ là 1,3/1. Tuổi trung bình là $5,24 \pm 4,15$ tuổi. Tuổi thường gặp nhất là nhóm dưới 5 tuổi: 950/1.855 (34%), ít gặp nhất là nhóm trên 10 tuổi: 275/1.855 (14,8%). Bệnh nhi phân bố ở tất cả các vùng trên địa bàn tỉnh Thái Bình, gặp ở cả thành thị và nông thôn, ngoài ra còn có bệnh nhân từ một số tỉnh thành phố lân cận. Bệnh thận-tiết niệu gặp nhiều nhất vào tháng 10 và tháng 9. Các bệnh thường gặp là nhiễm khuẩn tiết niệu: 918/1.855 (49,5%), hội chứng thận hư: 229/1.855 (12,3%), viêm thận lupus: 146/1.855 (7,9%), hội chứng viêm thận cấp: 117/1.855 (6,3%). Có 109 (5,8%) bệnh nhi chuyển tuyến trung ương, trong đó chủ yếu là: các bất thường bẩm sinh ở thận và đường tiết niệu, hội chứng thận hư kháng steroid, tổn thương thận cấp, viêm thận lupus.

Kết luận: Bệnh thận-tiết niệu chiếm tỷ lệ khá cao, trong đó thường gặp: nhiễm khuẩn tiết niệu, hội chứng thận hư, viêm thận lupus và hội chứng viêm thận cấp.

Từ khóa: Mô hình bệnh tật, bệnh thận-tiết niệu, trẻ em, Bệnh viện Nhi Thái Bình.

PATTERN OF RENAL DISEASES IN THAI BINH PEDIATRIC HOSPITAL IN 5 YEARS (2019 - 2023)

Huong Pham Thi ^{1*}, Son Luong Duc¹, Kiem Tran Trong¹,
Dung Do Manh¹, Sang Nguyen Ngoc²

¹Thai Binh Children's Hospital

²Hai Phong University of Medicine and Pharmacy

Objective: This study aimed to identify the pattern of renal diseases in Thai Binh Pediatric Hospital in 5 years from 01/01/2019 to 31/12/2023.

Subject: 139,601 pediatric patients at Thai Binh Children's Hospital.

Method: Descriptive cross-sectional study.

Results: 1,855 (1.33%) patients with renal diseases hospitalized in the total of 139,601 patients admitted. The male/female ratio was 1,3/1, and the average age was $5,24 \pm 3,15$ years. The most common age group affected by renal diseases was under 5 years old with 950/1,855

Nhận bài: 05-11-2024; Phản biện: 05-5-2025; Chấp nhận: 25-6-2025

Người chịu trách nhiệm: Phạm Thi Hương

Email: huongviennhitb@gmail.com

Địa chỉ: Bệnh viện Nhi Thái Bình

(34.4%), while the least common age group was over 10 years old with 275/1,855 (14,8%). The patients were distributed in all regions of Thai Binh province, found in both urban, rural areas and also from other provinces. The highest number of patients was recorded in October and November. The common diseases were Urinary tract infection in 918/1,855 (49.5%) of cases, Nephrotic syndrome in 229/1,855 (12.3%) of cases, Lupus nephritis in 146/1,855 (7.9%) of cases, Acute nephritic syndrome in 117/1,855 (6.3%) of cases. 109 cases (5.8%) were referred to National Children Hospital, mainly with Urinary tract malformations, Steroid-resistant nephrotic syndrome, Acute kidney injury, Lupus nephritis.

Conclusion: Renal diseases account for a fairly high proportion, the common diseases were Urinary tract infection, Nephrotic syndrome, Acute nephritic syndrome, and Urinary tract malformations.

Keywords: disease pattern, renal disease, children, Thai Binh Pediatric Hospital

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Bệnh thận-tiết niệu là một nhóm bệnh thường gặp ở trẻ em với nhiều mặt bệnh khác nhau [1] [2]. Điều đáng chú ý là bệnh thận-tiết niệu trẻ em thường diễn biến kéo dài, trong đó có nhiều bệnh mạn tính, điều trị đôi khi gặp nhiều khó khăn. Điều này gây tổn kém về kinh tế và ảnh hưởng đến mô hình bệnh tật chung. Do đó, cần nhận thức được tầm quan trọng của việc cập nhật dữ liệu về mô hình bệnh thận-tiết niệu ở trẻ em.

Bệnh viện Nhi Thái Bình là bệnh viện chuyên khoa nhi tuyến tỉnh, với quy mô trên 500 giường bệnh, tiếp nhận, khám và điều trị số lượng lớn bệnh nhi với nhiều mặt bệnh hàng năm, trong đó có bệnh thận-tiết niệu. Việc nghiên cứu mô hình bệnh tật sẽ giúp khoa phòng và bệnh viện trong công tác lập kế hoạch về nhân lực, vật lực, trang thiết bị cơ sở hạ tầng; công tác đào tạo, chỉ đạo tuyến.

“Mô hình bệnh thận-tiết niệu tại bệnh viện Nhi Thái Bình như thế nào?” là câu hỏi rất cần lời giải đáp. Vì vậy, chúng tôi tiến hành nghiên cứu đề tài này nhằm mục tiêu: Xác định mô hình bệnh thận-tiết niệu tại Bệnh viện Nhi Thái Bình trong 5 năm từ ngày 01/01/2019 đến 31/12/2023.

II. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Đối tượng nghiên cứu.

Gồm 139.601 trẻ vào điều trị nội trú tại Bệnh viện Nhi Thái Bình từ 01/01/2019 đến 31/12/2023.

Tiêu chuẩn chẩn đoán các bệnh thận-tiết niệu theo “Hướng dẫn chẩn đoán và điều trị bệnh trẻ em” của Bộ Y tế năm 2015 và theo “Hướng dẫn chẩn đoán điều trị bệnh thận theo KDIGO” năm 2021.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

- *Thiết kế nghiên cứu:* mô tả cắt ngang.
- *Cỡ mẫu:* gồm 139.601 bệnh nhi điều trị nội trú trong 5 năm từ 01/01/2019 đến 31/12/2023, trong đó có 1.855 bệnh nhi thận-tiết niệu.
- *Cách chọn mẫu:* thuận tiện, lấy tất cả bệnh nhi vào điều trị nội trú.
- *Nội dung nghiên cứu:* Tuổi, giới, phân bố bệnh theo địa dư, theo tháng trong năm, phân loại xác định tỉ lệ từng bệnh thận-tiết niệu dựa vào ICD10, tỉ lệ chuyển viện, tỉ lệ tử vong...
- *Phương pháp thu thập số liệu:* Phân tích kĩ từng bệnh án nội trú của Bệnh viện Nhi Thái Bình trong 5 năm từ 2019 đến 2023.
- *Xử lý số liệu:* Bằng phần mềm SPSS 25.0. Tính tỷ lệ phần trăm (%), số trung bình và độ lệch chuẩn.
- *Đạo đức nghiên cứu:* Nghiên cứu được Hội đồng đạo đức Y sinh học Bệnh viện Nhi Thái Bình thông qua. Các số liệu nghiên cứu được bảo mật, chỉ nhằm mục đích nghiên cứu.

III. KẾT QUẢ

3.1. Phân bố bệnh thận-tiết niệu

Bảng 1. Phân bố bệnh thận-tiết niệu trên tổng số bệnh nhi nội trú theo năm

Năm	Số BN thận	Tổng số BN nội trú	Tỷ lệ %
2019	301	35.743	0,84
2020	460	31.904	1,44
2021	415	23.399	1,77
2022	221	19.196	1,15
2023	458	29.359	1,56
Tổng	1.855	139.601	1,33

Bảng 1 cho thấy số lượng bệnh thận-tiết niệu cao nhất năm 2020, thấp nhất năm 2022.

3.2. Đặc điểm tuổi và giới bệnh thận-tiết niệu

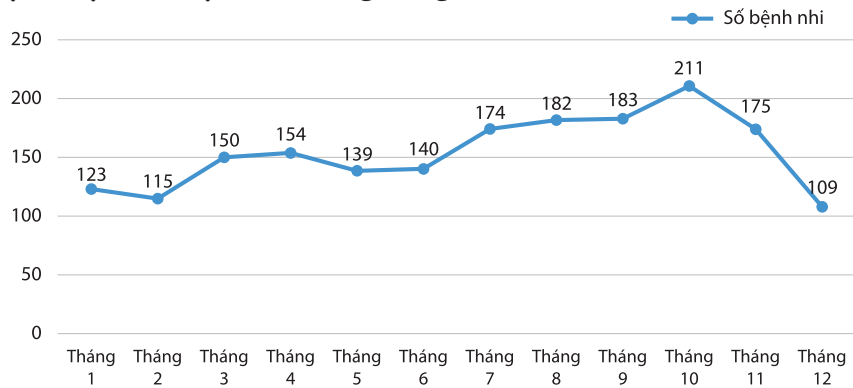
- Tuổi trung bình là $5,24 \pm 3,15$ tuổi
- Giới tính: Có 1.041 bệnh nhi nam và 814 bệnh nhi nữ, tỷ lệ nam/nữ là 1,3/1

Bảng 2. Phân bố bệnh nhi bệnh thận-tiết niệu theo tuổi và giới

Giới tính	< 5 tuổi Số BN (%)	5-10 tuổi Số BN (%)	>10 tuổi Số BN (%)	Tỷ lệ %
Nam (1041)	542 (29,2)	336 (18,1)	163 (8,8)	56,1
Nữ (814)	408 (22,0)	294 (15,8)	112 (6,0)	43,9
Tổng (1855)	950 (51,2)	630 (34,0)	275 (14,8)	100

Bảng 3 cho thấy lứa tuổi gặp nhiều nhất là dưới 5 tuổi, nhóm trên 10 tuổi gặp ít nhất. Nam gặp nhiều hơn nữ ở cả 3 nhóm tuổi.

3.4. Phân bố bệnh thận-tiết niệu theo tháng trong năm



Hình 1. Phân bố bệnh thận-tiết niệu theo tháng trong

Hình 1 cho thấy tháng 10, tháng 9 có số bệnh nhận nhân đông nhất, thấp nhất là tháng 12.

3.3. Đặc điểm địa dư của bệnh nhi mắc bệnh thận-tiết niệu

Bảng 3. Phân bố theo địa dư của các bệnh nhi bệnh thận-tiết niệu

Địa phương	Số bệnh nhi	Tỷ lệ (%)
Thành phố Thái Bình	307	16,5
Huyện Kiến Xương	278	15,0
Huyện Vũ Thư	255	13,7
Huyện Đông Hưng	231	12,5
Huyện Tiền Hải	188	10,1
Huyện Thái Thụy	187	10,1
Huyện Quỳnh Phụ	151	8,1
Huyện Hưng Hà	122	6,6
Tỉnh Nam Định	37	2,0
Thành phố Hà Nội	18	1,0
Tỉnh Hải Dương	12	0,7
Thành phố Hải Phòng	11	0,6
Tỉnh Hưng Yên	8	0,4
Tỉnh Quảng Ninh	6	0,3
Tỉnh khác	44	2,4
Tổng	1855	100

Bảng 3 cho thấy bệnh thận-tiết niệu phân bố ở tất cả các vùng trên địa bàn tỉnh Thái Bình, gặp ở cả thành thị và nông thôn. Ngoài ra, còn có bệnh nhi đến từ tỉnh khác (Nam Định, Hà Nội, Hải Dương, Hải Phòng,...).

3.5. Phân bố bệnh thận-tiết niệu theo từng bệnh

Bảng 4. Phân bố bệnh thận-tiết niệu theo ICD-10

Tên bệnh	Mã ICD10	Số BN	Tỉ lệ %
Nhiễm khuẩn tiết niệu	N39	918	49,5
Hội chứng thận hư	N04	229	12,3
Viêm thận lupus	M32	146	7,9
Hội chứng viêm thận cấp	N00	117	6,3
Hội chứng viêm thận mạn	N03	101	5,4
Bệnh thận tắc nghẽn và trào ngược	N13	71	3,8
Giãn đài bể thận	Q64	57	3,1
Bệnh thận mạn (CKD)	N18	46	2,5
Viêm thận Schonlein Henoch	L93	36	1,9
Tổn thương thận cấp (AKI)	N17	32	1,7
Hẹp bao quy đầu	N47	20	1,1
Sa lồi niệu quản	Q62	15	0,8
Đái máu dai dẳng và tái phát	N02	12	0,7
Viêm cầu thận tiến triển nhanh	N01	9	0,5
Thận - niệu quản đôi	Q62.5	9	0,5
Sỏi tiết niệu	N20	8	0,4
Hẹp phần nối bể thận - niệu quản	Q62.1	6	0,3
Thận đa nang	Q61	6	0,3
Túi thừa bàng quang	N32.3	4	0,2
Nhiễm toan ống thận	N25	3	0,2
Bàng quang thần kinh	Q62.7	3	0,2
U bàng quang	C67.7	3	0,2
U nguyên bào thận (u Wilms)	C22.2	2	0,1
Teo thận, bất sản thận	Q63.2	2	0,1
Tổng		1.855	100

Bảng 4 cho thấy các bệnh thường gặp là nhiễm khuẩn tiết niệu, hội chứng thận hư, viêm thận lupus, viêm cầu thận cấp.

3.6. Các bệnh thận-tiết niệu chuyển tuyến trung ương

- Số bệnh nhi thận-tiết niệu chuyển tuyến trung ương là 109 bệnh nhân (5,8%)

Bảng 5. Số bệnh nhi thận-tiết niệu chuyển tuyến trung ương theo từng bệnh

Tên bệnh	Số BN	Tỷ lệ %
Dị tật đường tiết niệu	28	25,7
Hội chứng thận hư kháng steroid	17	15,6
Tổn thương thận cấp (AKI)	17	15,6
Viêm thận lupus	14	12,8
Nhiễm khuẩn tiết niệu	11	10,1
Viêm thận Schonlein Henoch	8	7,3
Bệnh thận mạn (CKD)	8	7,3
Hội chứng viêm thận cấp tiến triển nhanh	4	3,7
U Wilms	2	1,8
Tổng	109	100

Bảng 5 cho thấy các bệnh thận-tiết niệu thường phải chuyển tuyến trung ương là các bất thường bẩm sinh ở thận và đường tiết niệu, hội chứng thận hư kháng steroid, tổn thương thận cấp, viêm thận lupus.

3.7. Tỷ lệ tử vong

- Trong 5 năm, có 2/1.855 (0,1%) bệnh nhi tử vong trong số bệnh nhi mắc bệnh thận-tiết niệu. Trong đó, một bệnh nhi mắc hội chứng thận hư bẩm sinh tử vong năm 2022, và một bệnh nhi hội chứng thận hư kháng steroid biến chứng suy thận mạn giai đoạn cuối tử vong năm 2019.

IV. BÀN LUẬN

- Về tỉ lệ mắc bệnh thận-tiết niệu: Từ năm 2019 đến năm 2023 tại bệnh viện Nhi Thái Bình, có 1.855 bệnh nhi bệnh thận-tiết niệu điều trị nội trú trên tổng số 139.601 bệnh nhi toàn viện chiếm 1,33%. Tỷ lệ này thấp hơn nghiên cứu của Bhatta và cộng sự (6,3%) [3] nhưng gần tương

đương với nghiên cứu của Ajite và cộng sự, trong đó bệnh nhân bệnh thận-tiết niệu chiếm 1,7% [4]. Trong thời gian nghiên cứu, số lượng bệnh thận-tiết niệu thấp nhất năm 2022, có thể do đại dịch Covid-19 nên số bệnh nhân thận-tiết niệu đến viện giảm đi.

- *Về giới tính:* Bảng 2 cho thấy có 56,1% bệnh nhi nam và 43,9% bệnh nhi nữ, tỷ lệ nam/ nữ là 1,3/1. Nghiên cứu của Nguyễn Thùy Liên (2018) tại Bệnh viện Nhi Trung ương thấy tỉ lệ nam/nữ là 1,5/1 [2]. Một số nghiên cứu khác trên thế giới cũng cho thấy các bệnh thận-tiết niệu thường gặp ở trẻ nam hơn trẻ nữ [4], [5].

- *Về tuổi:* Tuổi trung bình của các bệnh nhi nghiên cứu của chúng tôi là $5,24 \pm 3,15$, trong đó đa số các bệnh nhi mắc bệnh thận ở nhóm dưới 5 tuổi. Kết quả này tương đương nghiên cứu ở Bệnh viện Nhi Trung ương với tuổi trung bình là 6,78 tuổi [2]. Nghiên cứu của Prerana và cộng sự cho thấy tuổi trung bình của bệnh nhi bệnh thận-tiết niệu là $6,25 \pm 4,5$ [6]. Trong khi đó, nghiên cứu của Aliu và cộng sự cho thấy độ tuổi trung bình cao hơn ($9,59 \pm 4,58$) [7].

- *Về địa dư:* Bảng 3 cho thấy bệnh thận-tiết niệu phân bố ở tất cả các vùng trên địa bàn tỉnh Thái Bình, gặp ở cả thành thị và nông thôn. Ngoài ra, có cả các bệnh nhi từ các tỉnh, thành phố như Nam Định, Hà Nội, Hải Dương, Hải Phòng và một số tỉnh khác.

- *Về phân bố bệnh thận-tiết niệu theo tháng trong năm:* Theo hình 1, các bệnh nhi thận-tiết niệu vào viện rải rác quanh năm, trong đó trội lên là tháng 9,10,11. Nghiên cứu của Nguyễn Thùy Liên tại Bệnh viện Nhi Trung ương cho thấy thời điểm gặp bệnh thận-tiết niệu vào viện nhiều nhất là tháng 7, 10, 11 [2]. Điều này có thể giải thích do những tháng này là những tháng chuyển mùa, trẻ dễ bị mắc những bệnh nhiễm trùng hơn, làm tăng tỷ lệ tái phát của một số bệnh đặc biệt là hội chứng thận hư.

- *Về phân bố tỷ lệ bệnh thận-tiết niệu nhập viện:* bảng 4 cho thấy nhiễm khuẩn tiết niệu là bệnh phổ biến nhất, tiếp đến là hội chứng thận hư, viêm thận lupus, hội chứng viêm thận cấp. Kết quả này khác với nhận xét của Nguyễn Thùy Liên: hội chứng thận hư chiếm tỷ lệ cao

nhất (36,3%), tiếp đó là bệnh nhi nhiễm khuẩn tiết niệu (24,3%), các bệnh lý ít gặp hơn là viêm thận lupus (8,6%) và bệnh thận mạn giai đoạn cuối (8,4%), viêm cầu thận cấp sau nhiễm liên cầu (5,8%) [2]. Trên thế giới, Obiagwu và cộng sự cho thấy hội chứng thận hư chiếm tỷ lệ cao nhất (33,6%), tiếp theo là viêm cầu thận (25,8%) và suy thận (13,9%) [8].

- *Về các bệnh nhân chuyển tuyến trung ương:* Số bệnh nhân chuyển viện là 109 trường hợp (5,8%). Trong đó, chuyển viện hay gặp nhất trong các bệnh: Dị tật đường tiết niệu, hội chứng thận hư kháng steroid, tổn thương thận cấp, viêm thận lupus. Đây là các mặt bệnh diễn biến phức tạp và kéo dài, phải chuyển tuyến trung ương do Bệnh viện Nhi Thái Bình chưa đủ thuốc điều trị và chưa phát triển chuyên khoa sâu, trong đó có chuyên khoa Ngoại nhi thận-tiết niệu.

- *Tỉ lệ tử vong của bệnh thận-tiết niệu* trong nghiên cứu của chúng tôi là 0,1%, thấp hơn so với nghiên cứu của Ajite và cộng sự, có 5/102 (4,9%) bệnh nhi tử vong. [4]

V. KẾT LUẬN

Qua kết quả nghiên cứu và bàn luận nói trên, cho phép chúng tôi có thể rút ra các kết luận sau đây:

- Bệnh thận-tiết niệu ở trẻ em chiếm 1,33% tổng số các bệnh nhi nhập viện.

- Bệnh gặp ở nam nhiều hơn nữ.

- Tuổi trung bình là bình $5,24 \pm 3,15$ tuổi. Lứa tuổi gặp nhiều nhất là dưới 5 tuổi, ít gặp nhất là nhóm trên 10 tuổi.

- Các bệnh thường gặp là nhiễm khuẩn tiết niệu, hội chứng thận hư, viêm thận lupus, hội chứng viêm cầu thận cấp.

- Tỷ lệ chuyển tuyến trung ương là 5,8%, chủ yếu là dị tật đường tiết niệu, hội chứng thận hư kháng steroid, tổn thương thận cấp, viêm thận lupus.

- Tỉ lệ tử vong là 0,1%

VI. KHUYẾN NGHỊ:

Cần tăng cường đào tạo nhân lực y tế, phát triển chuyên khoa sâu về bệnh thận-tiết niệu, cung ứng thuốc và phương tiện để nâng cao

năng lực điều trị, nhằm giảm tỉ lệ bệnh nhân phải chuyển tuyến trung ương.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. **Trần Đình Long.** Bệnh học Thận - Tiết niệu - Sinh dục & Lọc máu trẻ em. Nhà xuất bản y học Hà Nội, 2016.
2. **Nguyễn Thị Thùy Liên.** Nghiên cứu mô hình bệnh thận - tiết niệu tại khoa thận và lọc máu Bệnh viện Nhi Trung ương từ 7/2017-6/2018. Luận văn thạc sỹ. Trường Đại học Y Hà Nội, 2018.
3. **Bhatta NK., Budathoki S.** Profile of renal diseases in Nepalese children. Kathmandu University Medical Journal 2008;(6):191-194.
4. **Ajite A, Oluwayemi I, Ogundare E et al.** Pattern of Kidney Disease among Children Admitted in a Tertiary Health Institution in South West Nigeria—A 7-Year Review. Open Access Library Journal 2023;10(03):e9868. <http://dx.doi.org/10.4236/oalib.1109868>
5. **Ali SH, Hussien FS, Abd Al-Amer.** Profile of renal diseases in Iraqi children: A single-center report. Saudi J Kidney Dis Transpl 2015;26(3):613-8. <https://doi.org/10.4103/1319-2442.157422>
6. **Prerana K, Md. Firoz A, Sunil KD, Anish K.** Changing pattern of renal disease in children at pediatric nephrology clinic of a tertiary hospital: 10-year review. Journal of Patan Academy of Health Sciences 2021;8(3):94-100. <http://dx.doi.org/10.3126/jpahs.v8i3.28870>
7. **Rasaki A, Iliya J, Lukman O et al.** Pattern of renal diseases among children attending paediatric nephrology clinic, Federal teaching hospital, Gombe. West African journal of medicine2024;40(11 Suppl 1):S7-S8.
8. **Obiagwu PN, Lugga AS, Abubakar AA.** Pattern of Renal Diseases in Children Attending Paediatric Nephrology Clinic of Aminu Kano Teaching Hospital, Kano. Nigerian Journal of Clinical Practice 2019;22(7):920-925. https://doi.org/10.4103/njcp.njcp_538_18